

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST

Ngày 22-02-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Đoàn sơn Lâm**;

2/ Bà **Trần Thị Nguyệt Quế**;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đặng Thị Mỹ Y** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Thu**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

Nguyễn Phú T, sinh năm 1997; Nơi sinh: An Giang; Nơi thường trú: Số C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Số C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hòa H, không xác định năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1960; Chưa có vợ và con: Anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất không xác định năm sinh, nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 05/02/2024 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

Nguyễn Văn T1; Tên gọi khác (**H2**), sinh năm 1993, Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, không xác định năm sinh (đã mất) và bà Nguyễn Thị N, không xác định năm sinh; chưa có vợ và con; có anh,

chị, em ruột 03 người lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất không xác định năm sinh. Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 09/11/2022 bị Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng (tiền sự chưa được xóa); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08 /11/ 2023 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ, *(Vắng mặt)*

2/ Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1996, Nơi cư trú: Khu vực Tràng Thọ B, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3/ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987, Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

4/ Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1993.

5/ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993.

Cùng nơi cư trú: Số nhà D, tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh an Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, vào sáng ngày 22/7/2023, bị cáo Nguyễn Phú T rủ bị cáo Nguyễn Văn T1 đi tìm tài sản của ai sơ hở rồi trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau thì được bị cáo Văn T1 đồng ý. Khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo Phú T điều khiển xe mô tô màu đỏ đen (chưa rõ nhãn hiệu, biển số) chở Văn T1 đi ngang trường Tiểu học V, thuộc ấp V, xã V thì thấy trong nhà xe của trường không có ai trông coi nên bị cáo Phú T dừng xe trước cổng trường Mầm non V1 và kêu bị cáo Văn T1 ở ngoài giữ xe và canh đường, thông báo cho bị cáo Phú T biết nếu có người phát hiện, còn bị cáo Phú T sẽ vào trường Tiểu học V để trộm cắp xe mô tô. Sau đó, bị cáo Phú T leo qua hàng rào vào bên trong trường đến nhà xe tiếp cận xe mô tô hiệu Future FI, màu nâu vàng, biển số 65L1-158.46 của bà Nguyễn Thị Tuyết M là chủ sở hữu. Lúc này bị cáo Phú T lấy khoen tròn móc khóa bẻ thẳng ra rồi cạy ổ khóa xe ra xong thì bị cáo Phú T điều khiển xe

mô tô vừa trộm được chạy ra ngoài đường từ cổng chính của trường rồi cùng với bị cáo Văn T1 chạy về hướng thành phố L, tỉnh An Giang để bán xe vừa trộm được. Bị cáo Phú T chạy đến cầu G ở thành phố L thì bị cáo Phú T và bị cáo Văn T1 không có kiểm tra trong cốp xe mà giao xe vừa trộm được cho Nguyễn Văn T2 (tên thường gọi: Huyết Ma) – sinh năm 1993, ngụ khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang đem đi bán dùm được 3.000.000 đồng. T2 nói trong cốp xe có 3.000.000 đồng nên đưa tổng cộng cho bị cáo Phú T số tiền 6.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo Phú T cho T2 1.000.000 đồng tiền công bán xe, số tiền còn lại thì bị cáo Phú T và bị cáo Văn T1 chia đều mỗi người được 2.500.000 đồng, số tiền này sau đó Phú T và bị cáo Văn T1 đã tiêu xài cá nhân hết.

Riêng đối với 01 sợi dây chuyền vàng 18K 3,5 chỉ, 01 cái bóp da gắn bông hoa màu hồng, tình trạng đã qua sử dụng và 01 cái bóp da màu xanh dương, tình trạng đã qua sử dụng do bị hại khai bị mất chưa tìm được; không có hóa đơn, chứng từ mua bán, Hội đồng nhận thấy chưa có cơ sở, xem xét để định giá.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện V, xác định tài sản gồm: 01 xe máy biển số 65L1- 158.46; số khung: RLHJC5371EZ012338, số máy: JC54E303434312, hiệu Future FI, màu nâu vàng, có giá trị là 5.938.000 đồng.

Về tang vật không thu hồi được nên không xem xét xử lý

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Tuyết M có yêu cầu Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Phú T bồi thường các tài sản bị mất trộm tổng cộng là 45.000.000 đồng. Bị cáo Phú T và bị cáo Văn T1 đồng ý bồi thường

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Phú T và bị cáo Nguyễn Văn T1 có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSVT ngày 08/01/2024 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Phú T và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án tù 01 (**một**)

năm đến 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T mức án tù 01 (một năm sáu tháng đến hai năm tù

Hình phạt bổ sung miễn hình phạt cho bị cáo Nguyễn Phú T và bị cáo Nguyễn Văn T1 do có hoàn cảnh khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phía bị hại bà mình và các bị cáo Nguyễn Phú T và Nguyễn Văn T1 đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 55.000.000 đồng nhưng hiện tại hai bị cáo chưa bồi thường.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay tất cả 02 bị cáo Phú T và Văn T1 khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố: vào ngày 22/7/2023 đã rủ rê nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô biển số 65L1- 158.46 của bị hại Nguyễn Thị Tuyết M, có giá trị là 5.938.000 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố bị cáo Nguyễn Phú t và bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời khai nhận trên của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, là một trong những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự địa phương chỉ vì chạy lười lao động mà muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo cùng rủ nhau đi trộm nhưng mang tính chất giản đơn không có sự bàn bạc phân công chặt chẽ từ trước. Do đó cần phải xử lý các bị cáo đúng pháp luật, đúng với tính chất mức độ vai trò của từng bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo, trở thành người tốt có ích cho xã hội. Để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo đúng với tính chất vai trò Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Phú T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo là người rủ rê bị cáo Văn T1 đi trộm và bị cáo là người trực tiếp lên lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 65L1-158.46 của bị hại N có giá trị 50938.000 đồng và điều khiển xe về hướng L, cho thấy bị cáo Phú T coi thường pháp luật lợi dụng sự sơ hở của người dân để thực hiện đến cùng bị cáo có nhân thân xấu là đối tượng nghiện ma túy nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cáo hơn bị cáo Văn T1. Nên cần phải xử lý nghiêm và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và trình độ học vấn thấp, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với Nguyễn Phú T với vai trò giúp sức canh cho Phú T vào trộm xe với tính chất giản đơn không có sự phân công từ trước, cho thấy bị cáo Văn T1 muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bất chấp qui định pháp luật xem thường pháp luật với thấy bị cáo cũng muốn thực hiện đến cùng. Nên cần phải xử lý nghiêm và phòng ngừa chung cho xã hội. bị cáo cũng có nhân thân xấu cũng là đối tượng nghiện ma túy tuy nhiên phạm tội lần đầu và không phải là người trực tiếp trộm tài sản nên hình phạt sẽ nhẹ hơn bị cáo Phú T. Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có trình độ học vấn thấp và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Văn T1 và bị cáo Phú T xét thấy hai bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Tuyết M có yêu cầu Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Phú T bồi thường các tài sản bị mất trộm tổng cộng là 45.000.000 đồng bị cáo Phú T và bị cáo Văn T1 đồng ý nên được ghi nhận.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Bị cáo Văn thành và bị cáo Phú T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Phú T** và bị cáo **Nguyễn Văn T1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các: Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phú T** 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 05/02/2024.

Căn cứ vào các: Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 01 (Một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/11/2023.

Về hình phạt bổ sung miễn cho các bị cáo Nguyễn Phú T và Nguyễn Văn T1.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 của [Bộ luật dân sự](#)

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Phú T và Văn T1 và bị hại bà M, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Phú T và bị cáo Nguyễn Văn T3 bồi thường cho bị hại bà M số tiền 45.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bồi thường nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phú T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Nguyễn Phú T và Nguyễn Văn T1 cùng liên đới chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nhật Trường